

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 29-9-2023

*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lữ Mạnh Thắng

Bà Ngô Thị Hóa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Tòa
án nhân dân huyện Hạ Hòa

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Phương Mai -
Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú
Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ, ngày
30 tháng 6 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/8/2023; Quyết định hoãn
phiên tòa: 37/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Đình H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu X, xã V, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu X, xã V, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ

(Anh H có mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa
anh Hà Đình H trình bày:

Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 10/12/1993, đăng ký kết hôn tại
UBND xã V, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới vợ chồng về ở chung với
gia đình tôi tại Khu X, xã V, huyện Hạ Hoà và làm ruộng. Vợ chồng chung sống hoà

thuận được một thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Tôi và chị L đã ly thân hơn 10 năm nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn với chị L.

- Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có hai con chung: Hà Thị H1, sinh ngày 02/7/1994 và Hà Xuân H2, sinh ngày 15/8/1996. Hiện hai cháu đã thành niên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; vay nợ chung, tài sản cho vay chung và công sức đóng góp: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị L, xong chị L từ chối làm việc và không nhận bất cứ văn bản tố tụng của Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự, Tòa án đã niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác tại trụ sở TAND huyện Hạ Hòa, khu dân cư và UBND xã V, huyện Hạ Hòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Anh H và chị L có hai con chung: Hà Thị H1, sinh ngày 02/7/1994 và Hà Xuân H2, sinh ngày 15/8/1996. Hiện hai cháu đã thành niên, anh H không yêu cầu, không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh H không yêu cầu giải quyết, không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với chị Nguyễn

Thị L nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn cố tình không đến. Chị L vắng mặt tại phiên tòa lần 2, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Đình H kết hôn với chị Nguyễn Thị L năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Hạ Hòa theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân khoảng 10 năm nay. Chị L cũng đã biết TAND huyện Hạ Hòa đang giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của anh H nhưng chị không hợp tác và cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân khoảng 10 năm nay. Qua làm việc với chính quyền địa phương cho biết anh H và chị L mâu thuẫn từ nhiều năm và cũng đã sống ly thân từ lâu, đề nghị Tòa án căn cứ tình trạng hôn nhân của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh H xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là cháu: Hà Thị H1, sinh ngày 02/7/1994 và Hà Xuân H2, sinh ngày 15/8/1996. Hiện hai cháu đã thành niên, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh H không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết. Nếu sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH1 vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Đình H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2- Về con chung: Anh H và chị L có hai con chung: Hà Thị H1, sinh ngày 02/7/1994 và Hà Xuân H2, sinh ngày 15/8/1996. Hiện hai cháu đã thành niên, HĐXX không đặt ra giải quyết.

3- Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4 - Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Đình H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0005345 ngày 29/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. (Xác nhận đã nộp đủ).

Anh H có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị L có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã V;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS – VP.

Nguyễn Thị Lạc